

Theo Gió

Đỗ Dung



. Một

Năm 1944, Hà Nội đang thời tao loạn, trời cuối thu nắng hanh hanh, buồn man mác với gió heo may và lá vàng rơi ngập lối đi ... Một đoàn xe tay nệm mới trắng tinh, thành xe quần những dải lụa hồng điều, các bác phu xe tề chỉnh trong đồng phục lính trấn thủ lưu đồn. Đoàn xe kéo ấy, dài, đồ rục, nổi bật trong màu trời ảm đạm, rợp cả phố phường, đã đưa mẹ tôi về nhà chồng, đưa mẹ tôi từ một thiếu nữ núp dưới bóng mẹ cha thành người thiếu phụ với bao trách nhiệm đè nặng trên vai. Đoàn xe rước dâu đang nghiêm trang cất bước thì chợt tiếng còi báo động hú lên, tiếng máy bay ào ào trên không. Không quân Mỹ oanh tạc các căn cứ Nhật trong thời đệ nhị thế chiến. Mọi người dáo dác định dừng xe tìm chỗ ẩn náu. Các cụ bô lão kiêng không cho xe đám cưới ngưng giữa đường nên ra lệnh cứ đi tiếp. Thế là một đoàn lính thú kéo xe chạy trốn chết, chạy thực mạng để đưa người thiếu nữ vu quy.

Mẹ tôi lên xe hoa về một nơi xa lạ, sống với một người đàn ông chưa hề được một lần ngồi nói chuyện riêng, hôn lễ do hai bên cha mẹ sắp đặt, nghe các bậc trưởng thượng dặn dò đã sứt sùi rơi lệ, mới bước chân khỏi cửa đã thấy nhớ cha, nhớ mẹ, nhớ các em, nhớ ngôi nhà êm ấm...

Theo tục lệ, các bà cô, bà dì cài mấy chiếc kim băng sau tà áo cưới của mẹ tôi để trừ tà ma và những điều xui xẻo, không quên dặn dò thêm:

- Đến nhà trai con nhớ đứng hai chân ngay thềm cửa, trước khi bước vào nhà nhé!
- Khi thay áo con nhớ treo áo của mình phủ lên áo của chồng!
- Khi ngồi xuống giường tân hôn nhớ ngồi phía đầu giường!
-

Các bà cho là làm như thế sẽ không bị chồng bắt nạt sau này. Bà nội tôi chỉ đến lễ xin dâu rồi về ngay, tránh gặp mặt con dâu, cũng là kiêng cử để khỏi bị cảnh mẹ chồng, nàng dâu đụng chạm.

Vừa hoàn hồn sau cuộc chạy tẩu, bước đến ngưỡng cửa, cô dâu đã thấy nhà trai để bếp lò với mấy cục than tàu cháy đỏ yêu cầu bước qua. Mẹ tôi lúng túng không biết phải đứng hai chân trước hay sau khi bước qua cái bếp than hồng. Cuối cùng mẹ tôi chẳng nhớ là có đứng một lúc hai chân trước khi vào nhà chồng hay không.

Tháng ba năm sau, ông ngoại tôi bị đau ruột thừa phải vào nhà thương, mổ xong bị nhiễm trùng, không có thuốc chữa nên đã qua đời. Bà ngoại tôi ốm yếu, cả ngày khóc thương chồng nên sáu tháng sau cũng theo ông. Bà nội của mẹ tôi thương con, thương dâu cũng lìa đời sau đó vài tháng. Mẹ tôi lấy chồng năm mười tám tuổi, chỉ mấy tháng sau liên tiếp chịu ba cái đại tang. Các cậu tôi khi ấy còn nhỏ nên hội đồng gia tộc đã họp lại để định đoạt. Hai cậu lớn, cậu Ngọc lên mười, cậu Chương lên bảy, mỗi cậu được giao cho một ông chú, còn cậu Út Thắng mới hai tuổi, Cụ Lý, bà ngoại của mẹ tôi thương quá xin đem về nhà quê để cụ nuôi. Xảy đàn tan ghé, mẹ tôi mới chân ướt chân ráo về nhà chồng, các cụ cho là nữ nhân ngoại tộc, không được quyền tham dự, không được có ý kiến gì trong việc sắp xếp, phân chia. Ruộng vườn, nhà cửa ở dưới quê của ông bà ngoại tôi được chia cho các ông chú lo phần nuôi dạy các cháu.

Mười tám tuổi bước vào đời trong thời buổi loạn ly, cả nước tang thương vì nạn đói Ất Dậu 1945. Sáng sáng có những chiếc xe bò chất đầy xác người từ nhà quê ra tỉnh kiếm ăn, chết vì đói. Miếng vỏ chuối vừa vớt ra đường thì cả đám người xúm lại giành giật. Bà nội tôi có sạp vải trong chợ Bắc Qua, cha tôi làm y tá trong nhà thương, cô Nga, em út của cha tôi năm đó mới lên tám. Gia đình bốn người không bị đói nhưng cũng nghèo.

Ông bà ngoại tôi đã mất, mẹ tôi không còn nơi nương tựa, cậy nhờ. Với chút chữ nghĩa làm vốn, mẹ tôi đi thu mua đồ đạc của những gia đình Pháp về nước, thầu từ thượng vàng, hạ cám rồi gọi lái buôn đến lấy hoa hồng. Sau đó mẹ tôi thuê một căn nhà ở phố Huế để mở cửa hàng, mua bán đủ thứ, từ sập gụ, tủ chè đến cái bát, đôi đũa, cái búa, cái đinh, nồi đồng, sắt vụn... Tháng mười hai năm ấy mẹ tôi sinh con trai đầu lòng. Anh

Dũng đem niềm vui đến cho cả nhà, bà nội tôi vui sướng xiết bao khi có cháu đích tôn, yên chí đã có người nối dõi. Mẹ tôi vì quá lao tâm, lao lực nên sau khi sanh bị hậu sản tưởng chết. Nằm liệt giường mấy tháng, mẹ lại ngóc dậy lo thu vén tiền bạc, nhà cửa lên đường chạy loạn. Cha tôi khi ấy cũng như các chàng trai yêu nước khác, làm khu trưởng tự vệ thành, khu Bảy Mẫu. Sau khi thu xếp đưa cả gia đình về Phủ Lý lánh nạn lại trở về Hà Nội theo đoàn quân kháng chiến chống Pháp.

Những ngày tháng ở nhà quê, mẹ tôi được sống trong sự săn sóc thương yêu của Cụ Lý và bà Hai Lộc, bà Tư Luân, dì ruột của mẹ. Mẹ tôi gặp lại em út, nhìn em mà thương làm sao, tội làm sao! Ở quê nghèo, nhà tranh, vách lá, nền đất, đêm nằm ổ rơm, có ngô ăn ngô, có khoai ăn khoai, khổ sở về vật chất nhưng chan chứa yêu thương. Hai mẹ con yên chỗ, bà nội tôi đưa cô Nga về làng Bồng Lai, quê của bà.

Ông bà ngoại tôi người cùng làng nên Phủ Lý là cả quê ngoại lẫn quê nội của mẹ. Cụ Lý năm ấy cũng đã già, Cụ ông là Lý Trường, con của cụ Tuần, cả hai cụ đều đã qua đời. Cụ đưa mẹ tôi xem nền nhà cũ. Từ ngày xưa ngày xưa, từ trước đời Cụ Tuần, đó là một nếp nhà ngói khang trang, tường xây bằng gạch. Vì quá cũ nên căn nhà dột nát, mới bị sập. Ông ngoại tôi có gửi tiền về để trùng tu, gạch ngói đã mua đủ cả, nền nhà được dọn sạch sẽ thì ông mất. Cụ sang ở tạm trong dãy nhà ngang bằng lá. Tuy bằng lá nhưng cũng rộng rãi, sạch sẽ.

Ông nội của mẹ tôi là cụ Đồ, cụ Đồ quanh quẩn trong làng dạy con trẻ dăm ba chữ thánh hiền. Một tháng đôi lần cụ cấp tráp lên phủ, lên huyện làm đơn cho các bác nhà quê vô phúc đáo tụng đình. Cụ ông mất sớm, cụ bà quê mùa, hiền lành. Vì vậy em trai của cụ ông, khi ấy đang làm ở nhà máy rượu Hà Nội, về đón bốn cháu trai lên tỉnh ở với cụ để cụ trông nom và cho đi học cùng với bầy con của cụ. Xảy cha có chú, ông anh mất, ông em có trách nhiệm với các cháu mồ côi. Cụ bà ở lại nhà quê với mấy người con gái. Thế là ông ngoại tôi ra Hà Nội từ bé, học ra giáo học rồi cùng với mấy người bạn mở trường tư thục Thanh Bình ở góc phố Huế, trông ngay sang Chợ Hôm.

Được vài tháng êm đềm cha tôi từ Hà Nội về đón bà và mẹ tôi, đưa cả gia đình chạy tiếp. Cứ lếch thếch, lồi thồi, bồng bế dắt díu nhau đi bộ từ làng nọ đến làng kia. Khi ấy mẹ tôi có thai người con thứ hai là tôi. Bụng mang dạ chửa, chân yếu, tay mềm... Khí hậu miền Bắc khắc nghiệt, mùa hè nóng cháy da, mùa đông rét cắt thớt. Ngoài quần áo và vật dụng tùy thân phải có chăn, có chiếu. Bà nội già, cô Nga quá bé, mẹ tôi cũng không xốc vác được, cha tôi phải theo đoàn thể không ở thường trực với gia đình nên bà tôi phải thuê chị Sửu, một cô gái quê theo để gánh gồng. Từ đó chị Sửu quảy đôi quang gánh, một thúng cho anh Dũng ngồi còn đầu thúng kia chất chăn chiếu. Mỗi người chỉ khoác một cái tay nải con.

Cứ theo dòng người mà đi, lên tận Việt Trì, Lào Cai, Yên Bái, lên mạn ngược gần biên giới Trung Quốc. Nhìn khói lam chiều buông, buồn não lòng, nhìn những người tản cư chết vì kiệt sức, chết vì sốt rét ngã nước, nhìn cháu đích tôn không có sữa mà uống, phải húp nước cháo, gặm củ khoai ... thêm bụng mẹ tôi mỗi ngày một to, bà tôi thương quá. Bà bàn với cả nhà quay về miền xuôi.

Sang năm 47, gia đình tôi về đến Phú Thọ, lưng vốn đem theo đã cạn dần, bà và mẹ phải kiếm cách buôn bán, chạy chợ nọ sang chợ kia, gặp gì cũng mua, có lời là bán. Một hôm mẹ tôi tính nhắm sắp đến ngày sanh, nghe nói bên Phúc Yên có bà đỡ từ Hà Nội mở phòng đỡ đẻ nên thu xếp dọn về đó. Cả nhà còn đang thất thểu trên con đường xuyên tỉnh, chưa đến làng mới thì nghe tiếng dội bom, ngoảnh lại Phú Thọ chìm trong cả một biển lửa. Bà và mẹ tôi quỳ ngay xuống vệ đường cảm tạ Phật Trời, nếu mẹ tôi không quyết định đi, nếu tôi chưa đến ngày sanh thì ... bây giờ tôi ở đâu?

Rồi một đêm không trăng, không sao mẹ tôi trở dạ. Lệnh thiết quân luật buổi tối không ai được ra đường, bà đỡ lại ở làng bên. Cả nhà cuống quýt, cha tôi đốt một nắm đuốc, bà tôi cầm cây đèn dầu, hai người dìu mẹ tôi đi. Cô Nga, chị Sửu ở lại trông anh Dũng. Trời tháng ba còn rét ngọt, rét căm căm, những bóng đen in trên lòng đường, qua ánh đèn dầu, ánh đuốc, lập lòe, xiêu vẹo như những bóng ma trời. Và ... tháng ba năm ấy, trong một chòi lá, trên một chiếc chõng tre chiều dài không vừa cho một người nằm thẳng, một người thiếu phụ trẻ oằn mình trong cơn đau đẻ ... Trong đêm tối đen bà tôi phải ra ao múc từng thùng nước, lấy rổ lọc đĩa, lấy vải lọc lại rồi đun sôi, hòa với chút thuốc tím để tắm cho đứa bé gái oe oe khóc chào đời.

. Hai

Vừa mới sanh tôi mấy hôm thì đến ngày giỗ ông ngoại. Nằm trên chiếc chõng tre trong căn nhà lá ở vùng quê xa lạ, mẹ tôi nhớ cha, nhớ mẹ, nhớ các em ... ruột quặn thắt, dạ xót xa... Hai cậu lớn đã cùng gia đình ông chú vào chiến khu Việt Bắc, lâu không có tin tức. Cậu Út vẫn ở Phủ Lý với cụ ngoại. Mẹ tủi thân, tủi phận, rấm rứt khóc thầm.

Buổi sáng, trước khi cùng chị Sửu và cô Nga gánh hàng ra chợ, bà nội tôi thở dài:

- Tội nghiệp ông giáo, hôm nay là ngày giỗ ông đây, tôi ra chợ mua hoa quả, thêm vài thứ để chiều về mẹ sửa một mâm cơm canh cúng ông!

- Con cám ơn mẹ.

Nói xong mẹ tôi thổn thức. Bà tôi ái ngại bước chân đi.

Nhà bà nội tôi gần như tháng nào cũng có giỗ, ông nội tôi là con trai độc nhất trong thế hệ của ông, các cụ dòng trên cũng hiếm hoi nên phần cúng giỗ từ năm đời đều giao cho ông bà nội tôi. Bà thuộc lòng tên cũng như ngày giỗ của cả dòng họ, đợi khi nào yên ổn sẽ giao trách nhiệm lại cho con dâu. Mẹ tôi là gái nhưng các em trai còn bé quá, cha tôi ghi ngày giỗ ông bà ngoại tôi vào gia phả, hàng năm cúng lễ cho trọn lòng hiếu thảo.

Ở Phúc Yên gia đình tôi thuê lại một căn nhà lá của một người dân địa phương. Gian nhà không rộng, lổng chõng mấy chiếc chõng tre, không bàn, không ghế. Buổi chiều mọi người đi chợ về cùng nhau xúm lại nấu nướng, không cỗ bàn sang trọng, không mỹ vị, cao lương. Mẹ tôi úp cái thúng xuống làm bàn thờ. Sắp trên chiếc mâm con bát cơm quả trứng, hai bát canh, hai đĩa xào loãng thoáng vài miếng thịt.

Và qua làn khói hương nhẹ tỏa, trong ánh sáng lung linh của hai ngọn nến, mẹ tôi nuốt nước mắt khấn thầm:

- Thày ơi, hôm nay ngày giỗ Thày, con chỉ có lòng thành xin Thày chứng giám. Thày Đẻ phù hộ cho các con, các cháu tai qua nạn khỏi, bình an vô sự. Thày Đẻ ơi, Thày Đẻ phù hộ che chở cho chúng con, cho các em con ...

Đêm xuống, nằm ôm con bé để ủ con cho ấm, mẹ tôi không tài nào chợp mắt. Mới chưa đầy ba năm, tưởng chừng như lâu lắm, với bao sự đổi thay, với bao nhiêu biến cố. Hết rồi, cô gái Hà Thành tóc dài thả gió lê thê, cô gái thùy mị, nét na, không hề có mộng mơ, lãng mạn của một thời con gái. Mẹ về với cha theo duyên, theo phận, không một lời hẹn biển, thề non. Mẹ về với cha bằng tình, bằng nghĩa để rồi cả một đời keo sơn gắn bó. Cuộc đời mẹ đã hoàn toàn lệ thuộc vào người đàn ông đã cùng nhau làm lễ tơ hồng. Mẹ hoàn toàn trao thân, gửi phận cho người thanh niên trắng trẻo, nho nhã mà lần đầu tiên gặp mặt mẹ đã thấy lòng băng khuâng, xao xuyên ... Bây giờ, không cha, không mẹ, không anh em ruột thịt bên cạnh. Nhìn quanh chỉ có mẹ chồng, chồng, với cô em gái nhỏ, thêm hai đứa trẻ như hai sợi dây thiêng liêng ràng buộc. Mẹ lệ thuộc và chỉ còn cái gia đình nhỏ bé này.

Cha tôi bằng tuổi mẹ tôi, ở tuổi học trò đã mang nặng mối tình đầu với cô hàng xóm. Hai nhà không cách giậu mùng tơi nhưng sát vách, chung sân sau, chung giếng nước và chung bếp lửa hồng. Hai người ngồi bên bờ giếng tỉ tê và cha tôi chăm xuống bếp chẻ củi, nhặt rau cho bà. Người ấy đã hẹn cùng cha tôi se duyên, kết tóc. Khi ấy cha tôi đang theo học trường Thăng Long. Muốn sống chung với người yêu phải lo xây dựng tương lai, phải có việc làm vững chắc nên khi vừa đỗ xong mảnh bằng "Diplome" cha tôi tìm nghề nào nhanh nhất có thể nuôi nổi vợ con. Nào ngờ chưa xong khóa huấn luyện, chưa tốt nghiệp, cô láng giềng đã ôm cầm thuyền khác. Mối tình đầu của cha tôi đã vỡ tan.

Bà nội tôi tuổi Thân, năm 1944 là năm tuổi, bà bị suyễn nặng, mấy lần lên cơn tưởng chết. Mẹ góa, con côi, thêm hạn 49, bà sợ nếu bà có mệnh hệ nào thì cha tôi và cô Nga sẽ bơ vơ không người chăm sóc. Bà để ý tìm dâu và bà đã chắm mẹ cho cha. Cha tôi đã bị người yêu đầu đời phụ bạc, nay nhìn về dịu dàng, hiền hậu của mẹ tôi và gia đình ông bà ngoại tôi rất nền nếp, nên sau khi suy nghĩ chín chắn cha tôi đã vâng lời để vui lòng bà.

Mẹ về với cha không có yêu đương thơ mộng, không hề quen biết trước, hoàn toàn do định mệnh, do duyên trời đẩy đưa. Sau khi có con trai đầu lòng thì cha mẹ tôi ngập tràn hạnh phúc, sống với nhau trong nghĩa nặng

vợ chồng.

Cha tôi như hầu hết thanh niên thời đó, tham gia trực tiếp vào công cuộc khởi nghĩa chống Pháp giành độc lập. Đến ngày toàn quốc kháng chiến đã ở lại cùng anh em bảo vệ thủ đô. Khi Pháp phá vỡ các tuyến phòng thủ, trung đoàn bảo vệ thủ đô phải rút khỏi Hà Nội, cha tôi theo kháng chiến, bôn ba khắp miền trung châu, lưu lạc lên Việt Bắc, sang tận miền Côn Minh, Vân Nam. Khi đi công tác cha tôi vẫn về thăm mẹ và vợ con cùng đi tản cư. Vì về thăm nhà nên cha tôi bị phê bình là có đầu óc tiểu tư sản. Lòng hoài nghi với tổ chức đang nắm vận mệnh toàn dân tăng dần khi tổ chức có ý muốn cha tôi phải thoát ly gia đình mới được kết nạp vào đảng. Dù có trách nhiệm với dân tộc, với đất nước nhưng còn trách nhiệm với những người thân! Là người đàn ông độc nhất, là cột trụ trong nhà, làm sao cha tôi có thể bỏ mẹ già, vợ dại, con thơ trong hoàn cảnh đó ... Qua những buổi thuyết trình của các cán bộ chính trị, qua những kinh nghiệm trên đường đi công tác, cha tôi càng mất lòng tin vào chính sách của những người cầm quyền. Thêm nữa tiền bạc gần cạn, mẹ tôi đã phải đem cả mấy cái áo dài nhung cắt thành khăn vấn tóc và mấy cái áo dạ may lại thành áo lạnh trẻ con để bán vì để nguyên áo dài bán chả ai mua ... Tiếp tục đi nữa thì không chết vì tên bay, đạn lạc cũng chết vì đói.

Cuối năm 47 bà và cha mẹ tôi quyết định hồi cư!

. Ba

Sau những ngày cuốc bộ, qua đò, qua sông vất vả, qua những lục vắn của những đơn vị Pháp trấn giữ tiền đồn ... gia đình chúng tôi cũng về tới Hà Nội! Anh Dũng ngồi trên cổ cha tôi. Mẹ tôi ôm con bé bọc trong chiếc áo bông cũ. Bà nội dắt cô Nga. Khi ra đi tay nải còn nặng, khi về túi xách nhẹ tênh. Quần áo quần hết vào người vì gió mùa đông lạnh buốt. Chỉ hơn một năm cách xa mà Hà Nội điêu tàn, trời xám xịt, cảnh vật như rû liệt, thê lương.

Gia đình tôi tạm trú tại nhà chú Được, một người em họ của cha tôi. Cha mẹ tôi đi một vòng, thăm lại phố phường và tìm kế mưu sinh. Đi ngang cửa hàng cũ, nhà cháy hoang tàn, đồ đạc, hàng hóa còn để lại mất hết. Nhà của bà nội tôi chỉ còn là một đống gạch vụn. Người dân tản cư chưa về, nhiều nhà còn bỏ hoang, đường phố vắng vẻ, tiêu điều. Ngày nào cha mẹ tôi cũng dắt nhau đi tìm việc làm rồi lại thất thểu ra về với đôi chân rã rời. Cuối cùng cha mẹ tôi tìm được một căn nhà vắng chủ ở phố Hàng Bát, nhà rộng rãi, hai tầng lành lặn nhưng âm u. Cha tôi đốt lửa xua đi khí lạnh lẽo, dọn dẹp sạch sẽ để đem gia đình về. Cả nhà tạm trú ở tầng dưới. Yên ổn được vài hôm bà tôi lên thu dọn tầng trên để lập bàn thờ. Bà tôi rất chu đáo về giỗ tết, dù đi tản cư cũng không bỏ sót một ngày giỗ nào. Khi quét trong góc phòng còn thấy vương vãi mấy mảnh xương người. Hàng xóm cho biết người nhà đi chạy loạn hết chỉ còn một cụ già ở lại, có thể cụ đã chết, rồi chó, mèo, chuột hoang đã tha xác cụ đi. Bà tôi lập trang thờ Phật, tối nào cũng tụng kinh, mẹ tôi soạn một mâm cơm cúng xin phép thần linh, thổ địa và cầu xin các vị khuất mặt phù hộ.

Một đêm mẹ tôi nằm mơ thấy một bà cụ đem cho mẹ một nhánh cau tươi và cười thật hiền, cả nhà cho là điềm lành. Hôm sau cha tôi tình cờ gặp bác sĩ Đặng Hữu Chí, một người Thầy cũ, khi ấy mới từ Chủ tịch Hội Đồng An Dân Hải Phòng về làm Chủ tịch Hội Đồng An Dân Hà Nội. Ông cho người đến tận nhà gọi cha tôi và sau khi biết tình trạng gia đình và hoàn cảnh kinh tế ông ký giấy tuyển dụng cha tôi làm y tá lưu động, đi phát thuốc và giúp đỡ dân ở các địa phận mới hồi cư. Có đồng lương cố định hàng tháng, cuộc sống vật chất tạm ổn nhưng cha tôi phải vắng nhà luôn. Hồi ấy an ninh chưa được đảm bảo, đêm đến Tây say ngất ngưỡng đầy đường, ca hát nghêu ngao, trộm cắp như rươi. Chỗ ở tạm không điện, không nước. Đêm vẫn phải thắp đèn dầu và ngày phải thuê người gánh nước. Hàng xóm bảo nhau đem nồi xoong, chậu nhôm, mâm đồng để sẵn, hễ nhà nào có nguy biến thì đồng loạt khua âm ỉ hỗ trợ cho nhau. Gần như đêm nào cũng có tiếng gõ báo động. Bà và mẹ tôi sợ quá phải ra thuê nhà ở phố Hàng Điếu, mặt trước mở cửa hàng buôn bán lật vặt, chia tiền thuê nhà với một ông thợ may.

Một hôm sau khi đi mua hàng về mẹ tôi nói với bà nội tôi:

- Cụ ạ, con thấy người ta cho thuê một căn nhà hai tầng rộng rãi, ngay trước chợ Hàng Da, gần rạp ciné Olympia. Dọn cửa hàng ở đấy thì đẹp quá.
- Họ đòi bao nhiêu một tháng?
- Thưa Cụ, hai nghìn.

Bà tôi tròn xoe mắt ngạc nhiên:

- Mợ tính buôn bán gì mà trả nổi tiền thuê nhà?
- Thừa cụ, để con đứng ra trưng. Con rủ mấy người mới hỏi cụ chia tiền nhà với họ.

Vi mới ít người về thành, nhà trống nhiều nên bà cụ chủ nhà không đòi hỏi điều kiện gì cả. Mẹ tôi ký hợp đồng thuê ba năm. Mẹ tôi chia cho mấy gia đình thuê lại hết tầng lầu trên, giữ lại tầng dưới vừa ở, vừa buôn bán. Cửa hàng rộng rãi nên mẹ tôi lại cho ông thợ may chia một nửa. Thế là gia đình tôi vừa có chỗ ở, vừa có chỗ làm ăn mà không mất đồng bạc nào.

Ở ngay cạnh rạp hát, mẹ tôi xoay ra bán bánh kẹo, rượu chè, thuốc lá, đồ trưng bày, quà tặng ... Cửa hàng rất đông khách nhưng phải cái tội là lính Tây cứ đầu tháng thì rất sòng phẳng, đôi khi hào phóng không cần lấy tiền trả lại. Cuối tháng hết tiền là chầy bừa. Một hôm cha tôi ra cửa hàng phụ vợ, một anh chàng lính Tây to con vào mua không trả tiền lại còn gây sự, cha tôi lên tiếng quát mắng, hấn ta túm ngay ngực áo cha tôi làm dữ. Mẹ tôi kéo ngay chiếc thùng gỗ đứng phất lên, giơ tay tát hấn ta thật mạnh và nói bằng tiếng Pháp:

- Anh là đồ tồi, anh không được làm vậy với chồng tôi!

Chàng Tây kia ngớ ra, nói lời xin lỗi rồi lỉnh mất. Cả nhà hú vía. Mẹ tôi cũng hoảng, chả hiểu sao lúc đó liều lĩnh, hành động như phản xạ. Đánh hấn rất bồng cả tay. Cả hai vợ chồng đều mảnh mai, yếu đuối, nếu hấn đánh lại thì chỉ có chết.

Về Hà Nội, khi an ổn bà nội tôi yên chí giao hết công việc quán xuyên trong nhà cho mẹ tôi, kể cả việc cúng giỗ. Sau mấy năm trời cùng nhau qua những cơ cực, khốn khó bà và mẹ tôi thương nhau và sống rất hòa thuận. Mẹ tôi cảm kích những ân cần săn sóc, những lo lắng, đỡ đàn của bà, nhất là tấm lòng bao dung, nhân từ của bà khi nghĩ về phận cô cút, cô đơn của mẹ. Chính bà nhắc nhở những ngày cúng giỗ ông bà ngoại tôi. Phần cha tôi làm rề chẳng bao lâu thì ông bà ngoại tôi mất. Ông ngoại tôi là nhà giáo, tính rất nhẹ nhàng, lịch sự. Ông thương con gái nên thương con rề, cha tôi trẻ tuổi lại vắng bóng phụ thân nên ông tôi ân cần dạy bảo, coi như con ruột. Chàng rề và nhạc phụ rất tương đắc, khi ông ngoại tôi vào nhà thương, chính cha tôi là người trực bên đỡ đàn, nâng giắc.

Tháng Năm, năm 49, mẹ tôi cho ra đời cô bé Minh Thuận. Ngày đó mẹ tôi nuôi con bằng sữa mẹ, trời thương nên dù khi chạy loạn ăn uống kham khổ nhưng lúc nào mẹ tôi cũng có hai bầu sữa đầy cho tôi, con bé cứ sồn sơ lớn, trắng bóc, mũm mĩm, ở đâu cũng được mọi người nựng nịu chuyền tay nhau bế. Khi có mang em tôi mẹ tôi không biết cứ tí tí cho tôi bú, cho đến ngày đi sanh. Con bé chị cứ nhờn nhờn lấy chất bổ dưỡng của con bé em nên em ra chào đời nặng có hơn hai kí, cha tôi gọi là con Bé Tí Xíu. Tên gọi yêu thương ấy còn đến bây giờ, các cháu chỉ quen gọi dì Xíu, bà Xíu chứ không biết Minh Thuận là ai.

Con bé Tí Xíu bé bằng cái chai ty (chai 75 phân khối) đem tài lộc cho cả nhà. Từ ngày sanh em, mẹ tôi ăn nên làm ra, cha tôi được tăng lương, phụ cấp cho đừa con thứ ba nhiều hơn hai đừa lớn. Số lượng hàng bán tăng dần, nhất là rượu vang. Mẹ tôi kiếm cách buôn tận gốc, bán tận ngọn, dọ dẫm tìm đến tận chỗ nhập cảng, tìm hiểu học hỏi và lên trình toà nhãn hiệu "Con Công". Từ đấy mẹ tôi mua về từng thùng "tonneau" rượu, dầu, dấm, chiết ra chai, đóng nút, hàn xi đàng hoàng với nhãn hiệu "Paon" Marque Déposé! Hàng nguyên chất chia ra không pha chế nên chẳng bao lâu sản phẩm Con Công được nhiều người ưa chuộng, các tiệm nhỏ đến chỗ mẹ tôi để cất hàng.

Cụ Lý ở nhà quê thỉnh thoảng đem cậu Thắng ra thăm. Mỗi lần cụ đến chơi chúng tôi vui lắm, cụ đem quà nhà quê ra cho, nào là chuối, na, ổi, khế, nào là bánh đa, ốc bươu, ốc gạo... Cụ móm nên có cái cối nhỏ để giã trà, cụ nhai bồm bồm thật dễ thương. Cụ còn bày trò chơi cho chúng tôi, cụ để cơm khô rang vào lòng bàn tay rồi lấy tay kia đập vào phần ngón tay xoè ra, mấy hạt cơm bật lên nhảy thẳng vào miệng, các cháu cười như nắc nẻ. Cụ chơi tập tầm vòng, tay không tay có, với đồng xu trong lòng tay, cứ chỉ tay này thì đồng xu đã biến sang tay kia. Cụ mặc váy đen dài, rộng, tụi tôi rủ nhau lên xem cụ đi tè. Cụ đứng giang chân ra, một tay cầm váy duỗi thẳng đằng trước và một tay đưa thẳng đằng sau, như vũ khúc nghệ thường!

Gia đình chúng tôi sống bình lặng, êm đềm. Mẹ tôi thuê chị Dần giúp việc nhà và mỗi lần đóng hàng mới, lại nhấn mấy người cháu của bà nội tôi ở quê ra, vào chai, dán nhãn, đóng nút và chở đi giao.

Sang năm 50, anh Dũng lên năm, đến tuổi đi học. Cậu Thắng hơn anh hai tuổi, mẹ tôi thương xót em xin phép

bà nội và cụ Lý để đem cậu Thắng về nuôi cho cậu đi học cùng anh Dũng. Tôi còn nhớ khi cậu mới lên tỉnh người đầy ghê, bụng thì ỏng. Cha tôi phải cho uống mấy liều thuốc tẩy giun sán, còn bà lo tẩy thủ, tẩy diện cho cậu, ngày nào cũng bảo chị Dần lấy xà phòng đen tắm cho hết ghê. Năm ấy tôi mới lên ba nhưng trường nhận cho học nên một buổi sáng mùa thu bà cho mỗi đứa ăn một cái bánh chưng rán nhỏ rồi dắt cả ba cậu cháu đi khai trường. Cậu Thắng và anh Dũng cùng vào lớp năm còn tôi học lớp vỡ lòng. Những ngày tuổi thơ thật vui nhộn khi có ông cậu nhỏ. Sau giờ học cậu dẫn hai anh em tôi sang rạp hát lấy những tờ chương trình về gấp thuyền, xếp hình thú vật, tàu bay, xếp đạn giấy, kiếm mấy nan xe uốn thành ná. Anh tôi to con nhưng gà tồ, cậu ranh mãnh, láu lỉnh hơn. Hai cậu cháu lập bè, kết nạp mấy đứa nhỏ con mấy nhà trên gác, lén lấy kẹo bánh của mẹ bán đem cho tụi nó.

. Bốn

Cậu Thắng ở với chúng tôi vài tháng thì cụ Lý nhớ cháu lại lên thăm. Vừa thấy cụ cấp thúng bước vào là ba cậu cháu ríu rít, quần quýt quanh chân cụ. Lần này ngoài những món thông thường cụ còn đem thêm một xâu bánh gai và một túi bỏng nếp. Mặc dù hàng ngày chúng tôi được ăn bánh kẹo Tây của mẹ bán, những thanh “Chocolat”, kẹo “Dragée”, kẹo “Gomme”, kẹo “Nougat”, bánh Sâm Banh, bánh Bích Quy LU... nhưng chúng tôi vẫn mê bánh gai của cụ gói. Bóc mấy lớp lá chuối nâu là đến chiếc bánh đen bóng, vỏ bánh dẻo dẻo, nhân đậu xanh ngọt ngào, sần sật những sợi dừa mỏng, cắn ngập cả răng.

Cụ ôm chúng tôi vào lòng, xoa đầu từng đứa, hít hà:

- Chắt của cụ đây, chắt của cụ đây!

Đến lượt cậu Thắng thì dường như cụ ôm chặt hơn rồi lại đẩy cậu ra xa để ngắm cho rõ, hai giọt nước mắt chảy nhẹ nhàng xuống đôi gò má nhăn nheo:

- Mẹ cha thằng chó của bà, nó ăn sung mặc sướng nó có nhớ bà không?

Quay qua bà nội tôi cụ nói:

- Cám ơn bà thương các cháu, trăm sự nhờ bà, chị em chúng nó thật có phúc!

Cụ kéo vạt áo lau nước mắt:

- Mấy năm bà cháu có nhau cũng quen, vắng nó cũng nhớ quá bà ạ. Tội nghiệp thằng bé, có mấy tuổi đầu đã mồ côi.

Cụ dí ngón tay vào trán cậu, trách yêu:

- Mẹ cha mày, uống nước máy, ở nhà gạch có mấy tháng mà phỏng phao hẳn ra, trông đẹp giai lắm rồi, con phải ngoan, phải học cho giỏi, không được hư, không được quấy nghe con!

Bà nội tôi thông gia với con gái của cụ nhưng hai cụ chuyện trò rất tương đắc vì cùng là dân trà thuốc, cùng gốc nhà quê, cùng cảnh goá bụa. Một cụ hơn bảy mươi, một cụ hơn năm mươi ngồi bên coi trà nói chuyện trời mưa, trời nắng, chuyện thóc cao gạo kém, chuyện ai còn, ai ở, ai về...

Tiếng mẹ tôi từ ngoài cửa hàng nói vọng vào:

- Bà ơi, bà ở chơi vài hôm nhá!

- Thôi, bà ở chơi một chốc rồi bà sang chú Tư.

Đạo đó tôi rất ngạc nhiên sao mẹ tôi lại gọi cụ là bà mà gọi bà nội tôi là cụ!

Cụ Lý có bốn bà con gái, chỉ có một ông con trai. Bà ngoại tôi là chị cả, xinh xắn, khéo léo nhất nhà, nhất là lại khéo ăn, khéo ở. Ông ngoại tôi là con thứ nhưng mẹ chồng hợp với nàng dâu nên cụ Đồ, bà nội của mẹ, thay vì ra Hà Nội ở với ông Trường, cụ lại ở với ông bà ngoại tôi. Bà ngoại tôi đối xử với mẹ chồng rất đầy đơm, chân tình, quý hóa, gia đình thuận hòa không bao giờ to tiếng. Em út của ông ngoại chưa có vợ, dì út của mẹ tôi chưa có chồng, cụ Đồ hỏi luôn dì út cho chú út, cụ bảo là hoa thơm đánh cả cụm. Thành ra bà Tư Luân vừa là thím, vừa là dì của mẹ tôi.

Cụ ở chơi, ăn bữa trưa với chúng tôi xong thì cấp thúng còn lại một phần quà sang nhà ông Tư. Cụ bước lên xe xích lô, nhìn cậu Thắng mắt cụ rưng rưng; miệng cậu méo xệch, nước mắt chảy ròng ròng, thút thít mà không dám òa lên khóc. Xe đi đến đầu đường cậu vùng chạy đuổi theo. Bà và mẹ tôi đã vào nhà, anh em tôi sợ quá không dám mách, sợ cậu bị mắng. Hai đứa bồng chồn, đi ra đi vào, đứng ngồi không yên chỉ sợ cậu đi

lạc rồi bị mẹ mình bắt. Một lúc lâu cậu chạy về, mồ hôi nhễ nhại, mắt còn ngấn nước:

- Cậu đuổi không kịp, cụ đi mất rồi!

Cậu kể lại là cậu đuổi theo xe cụ đến phố Hàng Bông, cậu sợ lạc nên phải nhìn dọc đường để nhớ dấu và cứ chạy theo đường tàu điện. Lúc mất hút xe của cụ, cậu men theo đường tàu điện quay về. Về sau thỉnh thoảng cậu dắt anh em tôi lần theo đường sắt đi chơi, ba cậu cháu làm ba con để men phiêu lưu, có khi lên đến tận bờ hồ.

Dân chạy loạn lục tục hồi cư, Hà Nội sầm uất, đông đúc hơn, cửa hàng mẹ tôi ngày một khảm khá. Chúng tôi sống êm ả, hạnh phúc, có bà nội, có cô, có cậu. Cô Nga bước vào tuổi dậy thì, ở nhà chơi với cháu và thỉnh thoảng ra trông hàng giúp mẹ tôi. Bà nội bắt đầu lo cho tương lai con gái, định soạn cho cô một tủ bánh kẹo, thuốc lá để cô ngồi bán trước cửa rạp hát hồng kiếm chút vốn riêng. Mẹ tôi cản ngay:

- Thừa cụ, chẳng thà cụ để cô ở trong nhà trông cháu, lo nội trợ tề gia, kiếm được nơi tử tế thì lại tề gia nội trợ chứ cụ cho cô bán ngoài đường như thế con e sẽ giảm giá trị đi!

Bà tôi đành thôi, sau bà thấy cô cứ ngồi nhà cũng sốt ruột, bà vẫn muốn bù chi, bù chít cho con gái nên bà sang cho cô một sạp vải bên chợ.

Năm 49 Pháp trao trả độc lập cho Việt Nam và trao quyền lại cho vua Bảo Đại. Năm 50 Quốc Trưởng Bảo Đại thành lập Quân Đội Quốc Gia Việt Nam, cha tôi là một trong những người đầu tiên của ngành quân y, làm việc tại quân y viện Võ Tánh. Sau vài khóa tu nghiệp, cha tôi chuyển sang làm về hành chánh.

Tháng Ba, năm 51, Vân Hạnh ra đời, khác với bé Xíu tóc đen và nhiều, bé Hạnh trắng bóc, đầu lơ thơ vài sợi tóc, thóp đập phập phồng, mẹ tôi may cái mũ thóp bằng gấm đội cho em, trông như ông lý trưởng đội khăn xếp nên cha tôi gọi yêu em là "Ông Lý Hạnh". Mẹ tôi vẫn nuôi con bằng sữa mẹ nhưng bận công việc ngoài cửa hàng nhiều nên phải thuê thêm Vú Hạnh để Vú bế em và giặt tã lót. Mỗi ngày Vú phải giặt cả thau đầy tã, phơi khô rồi ngồi là phẳng bằng cái bàn là than. Mẹ tôi cứ sữa đầy ra áo là vào cho em bú rồi lại ra cửa hàng. Vú Hạnh là một người đàn bà nhà quê ngót ba mươi, mặt trắng trẻo, bầu bĩnh, hàm răng đen rưng rức với nụ cười tươi. Vú có chồng, có vài đứa con, ở nhà quê làm ăn khó khăn Vú ra tỉnh định đi làm vài năm dành dụm chút vốn liếng rồi về quê chăn nuôi, trồng trọt. Mỗi tháng chồng Vú ra thăm, nhân thể lấy tiền lương của Vú, bà tôi hay nói đùa trêu chú:

- Ngày nào con mẹ này cũng ngủ với Ông Lý Hạnh.

Thoạt nghe chú cũng giật mình nhưng khi hiểu chuyện chú chỉ bẽn lẽn gãi đầu cười. Kể ra việc trông em và giặt giũ so với việc đồng áng thì nhẹ nhàng hơn, lại được ăn trắng mặc trơn, chỉ phải tội vợ chồng Ngâu!

Thấm thoát đã đến hạn ba năm, hết hợp đồng thuê nhà. Bà cụ chủ nhà đòi lại không cho thuê nữa. Đạo ấy mẹ tôi còn quá trẻ, chưa có nhiều kinh nghiệm, tưởng cứ mỗi đầu tháng thu tiền của các người ở thuê, đóng đầy đủ cho chủ nhà là xong. Khi thuê nhà không có hợp đồng chi tiết rõ ràng về các điều khoản, chỉ là tờ giấy viết tay giữa hai người, thỏa thuận về giá cả và thời hạn đóng tiền. Muốn ở lại phải nhờ luật sư mà cụ chủ nhà lại là mẹ của ông luật sư danh tiếng thời bấy giờ. Mẹ tôi đành xin gia hạn một thời gian để thu xếp.

Trên gác, một gian nhà thông thoáng, không vách ngăn, năm gia đình cư ngụ. Giang sơn mỗi nhà là một cái giường đất, cách nhau một khoảng đường đi. Trên vách tường phía đầu giường có đóng những kệ bằng gỗ tạp, gỗ thùng đủ loại, chất đủ thứ linh tinh, linh kinh. Cuối giường là những bồ, những sọt; gầm giường thì ôi thôi nòi niêu, rổ rá, bát đĩa, thúng đựng quần áo... Tôi nhớ nhà bác Điệp ở ngay phía cầu thang lên, có thằng Thanh, thằng Nam hay cùng chúng tôi sang rạp hát chơi hoặc đi tiểu ngạo giang hồ. Có một bà bán sữa, cứ mỗi lần có sữa tươi từ Hải Phòng về là bà lại đem cho nhà tôi một đĩa. Những miếng sữa trong vắt, màu hồng, ăn với mắm tôm và rau kinh giới, giòn giòn, mát miệng mà tôi còn nhớ mùi vị tới bây giờ. Tất cả đều phải dọn đi. Ba năm tùm tùm với nhau giờ phải chia tay đi tìm nơi cư ngụ mới.

. Năm

Buổi sáng thật sớm, trời còn tối đen như mực chúng tôi đã bị đánh thức để sửa soạn ra phi trường. Hành lý được thu xếp gọn gàng trong hai chiếc va ly và một giỏ xách đựng những đồ vật vãnh. Tôi kiểm soát để biết

chắc chắn rằng chiếc âu đồng lớn của bà tôi đựng đầy sáu chín và một túi sáu xanh không bị bỏ quên. Ngày hôm trước tôi đã ra xin mấy chú hái sáu chọn cho những quả thật to vì nghe nói trong Nam không có sáu. Khi trời tảng sáng như màu sữa loãng thì mấy chiếc cam không đến đón. Cô Nga và bà Hai Lộc ngủ với gia đình tôi từ tối hôm trước để đưa tiễn. Hồi đó nào tôi đã biết gì, chỉ biết là cả nhà sẽ đi Nam, một nơi xa, thật xa. Gần như cả đêm người lớn thao thức không ngủ và hình như ai cũng khóc. Khi bước lên xe là lúc chia tay, cô Nga khóc òa lên, bà tôi quay đi kìm tiếng nấc, bà Hai Lộc sụt sùi, mẹ tôi khóc lặng lẽ, cha tôi trông rất căng thẳng nhưng vẫn cố giữ bình thần để còn lo sắp xếp, đôn đốc mọi người. Xe từ từ lăn bánh, cô Nga chạy với theo, nước nở:

- Mẹ ơi, mẹ ơi! ... Anh chị ơi! ...

Hai hàng cây sáu bên đường lùi xa, cổng nhà thương Võ Tánh từ từ biến mất trong màn sương sớm và gió tháng tám, gió heo may. Bấy giờ cha tôi mới ôm anh Dũng, dụi mặt vào người anh để giấu những giọt nước mắt đang lặng lẽ rơi xuống.

Ngày chúng tôi rời xa Hà Nội là ngày 18 tháng Tám, năm 1954. Trong ký ức non nớt của tôi Hà Nội trong mấy năm cuối có những hình ảnh rất đậm nét.

Sau mấy tháng cha mẹ tôi đi tìm chỗ thuê mới để vừa ở, vừa bán hàng mà chẳng tìm được nơi hợp ý và hợp với túi tiền. Nhân số đã gia tăng, gia đình gồm mười một người kể cả hai chị người làm. Cuối cùng cha mẹ tôi quyết định mua nhà. Mẹ gọi người bán hết hàng họ, quày tủ, dụng cụ xúc chai, đóng nút... Trả cửa hàng trước chợ Hàng Da lại cho cụ chủ.

Tổ ấm đầu tiên của gia đình tôi, kết quả của công lao làm lụng cực khổ, chất bóp dè sèn mấy năm trời của cha mẹ tôi là ngôi nhà xinh xắn, hai tầng ở đường Mai Hắc Đế. Đang ở căn phòng chật hẹp đằng sau cửa hàng trên phố dọn về nhà riêng rộng rãi, chúng tôi mừng vui tíu tít. Trên tầng hai, một nửa là căn phòng rộng dùng làm phòng thờ, một nửa là sân thượng. Bàn thờ Gia Tiên bọc nguyên một mặt tường có màn trướng rủ và bộ đỉnh đồng, lư hương, chân nến sáng choang. Một trang thờ Phật gọn gàng với bức ảnh Phật Bà Quan Âm thật đẹp đứng trên toà sen, hướng ra sân thượng. Mỗi buổi tối chúng tôi ngồi sau lưng bà nghe tụng kinh, cứ chờ đến câu "Hoà Nam Thánh Chúng" và một hồi chuông boong boong là xong khoá lễ, là được bà chia cho những phẩm oản con bọc giấy bóng kính màu.

Sàn lót gạch hoa, lau bóng, không kê giường. Buổi tối hai chiếc chiếu hoa được giải ra, em Xíu và tôi rúc nách bà trong một màn, một chiếu. Cô Nga được ngủ riêng. Tôi còn nhớ những buổi chiều đứng vịn lan can trên sân thượng nhìn xuống mái nhà nhấp nhô xung quanh tôi đã nghĩ rằng dưới mỗi mái nhà kia có những người đang sống, có những gia đình đang quây quần và nhìn lên trời cao xanh thăm thẳm với những cụm mây trắng lững lờ trôi tôi thấy như tôi thật bé nhỏ và hình như gần với trời hơn.

Những đêm sáng trăng mùa hè bà giải chiếu ra sân ngồi phe phẩy chiếc quạt nan, chúng tôi nằm gối đầu lên chân bà giở tai nghe chuyện cổ tích. Bà có cả một kho chuyện để kể, Phạm Công Cúc Hoa, Tấm Cám, Thạch Sanh Lý Thông, Lưu Bình Dương Lễ, cả chuyện Đức Thánh Gióng và Đinh Bộ Lĩnh dẹp loạn mười hai sứ quân ... Vuông sân ấy chứa bao kỷ niệm êm đềm, những câu nói trẻ thơ:

- Tội nghiệp Nghi Xuân, Tấn Lực quá bà nhỉ!
- Eo ơi, con Mũ Thung ghê quá, cả ngày bay trong chuồng xí
- Sao cô Cám ác quá vậy hả bà?

Và ...cái giỏ bé xíu cô Nga thất bằng len đựng quả thị treo trên cửa sổ, tôi cứ hé mắt nhìn xem có cô Tấm chui ra không!

Tầng dưới, phòng khách rộng rãi với bộ sa lông Tàu và bộ sập gụ, tủ chè khảm xà cừ óng ánh. Trên nóc tủ chè bày bộ Tam Đa lớn, ba ông Phúc Lộc Thọ mặt tươi vui. Chiếc sập gụ ấy là chỗ giải chiếu dọn cơm. Buổi tối sau bữa ăn chúng tôi quây quần, cha ngồi xem báo, mẹ ngồi đan áo ở bộ sa lông và chúng tôi bò trên sập để học bài như cảnh Phạm Duy mô tả trong "Kỷ Niệm", chỉ khác là không có cây đèn dầu hao nhưng căn phòng sáng ấm nhờ bóng đèn vàng từ trên trần tỏa xuống. Đó cũng là chỗ ngủ của cậu Thắng và anh Dũng.

Phòng ngủ của cha mẹ tôi ngay sau phòng khách. Một chiếc giường dát giải chiếu hoa được kê song song với chiếc giường nhỏ có đệm của cha tôi. Mẹ nuôi con mọn, đêm phải cho bú, sợ em bé đá dầm nên mẹ ngủ

riêng với em. Qua một sân nước rộng tới bếp núc, nhà xí, nhà tắm. Trong bếp, một bộ ván ngựa kê ngay cạnh chạn bát là chỗ ngồi nhặt rau, thái thịt, buổi tối là chỗ ngủ của hai chị người làm.

Ba cậu cháu tôi học ngay trường tiểu học Tô Hiến Thành của bà giáo Ngọc xé trước cửa nhà. Trường là một căn biệt thự nhỏ, gia đình bà giáo ở phía sau, một căn phòng đằng trước dùng làm lớp học. Mấy cấp lớp học chung, một phòng học, một bà giáo. Bà cho lớp này ngồi làm bài tập thì bà khảo bài lớp kia trong khi lớp nhỏ hơn ngồi tập viết. Mỗi cấp lớp có khoảng hơn mười học sinh. Trước cửa trường có cây bàng thật to, buổi trưa không có lớp học chúng tôi tụ tập dưới bóng mát của cây bàng chơi ô ăn quan, nhảy lò cò hoặc nhảy dây. Bọn học trò con trai lấy súng cao su bắn những quả bàng chín vàng ửng chia nhau ăn rồi dùng mấy cục đá đập vỡ hột lấy nhân ăn tiếp, ngọt ngọt, bùi bùi. Mùa thu lá từ màu xanh đậm chuyển vàng rồi sang màu đỏ ối thật đẹp. Sang mùa đông lá rụng hết, cây chỉ còn trơ lại những cành khẳng khiu.

Bên kia đường, một dãy nhà một tầng ngay ngắn, sau dãy nhà đó có một khoảng sân rộng, một cây bồ quân to ở giữa sân xòe bóng mát cho cả một vùng. Nơi ấy có những buổi trưa hè bà tôi xách chiếc ghế đầu thấp sang ngồi dưới bóng cây, xoã tóc lim rim cho các cháu nhỏ tóc sêu, bà ra giá hể đưa nào nhỏ đủ một trăm sợi tóc con bà thưởng một đồng. Thế là chúng tôi cứ mím môi chăm chú nhổ, hết tóc sêu ngắn nhổ tới tóc bạc, miễn sao đếm nhanh cho đủ một trăm. Tôi còn nhớ trong dãy nhà ấy có gia đình bác Đệ, có chú Dương đang học thi tú tài, chú cứ chấp tay sau lưng đi qua đi lại trong phòng, chúng tôi ở ngoài trở mắt nhìn, thán phục lắm nhưng thấy chú đi như thoi đưa thì chóng cả mặt. Lãnh lương của bà xong chúng tôi đợi ông già đẩy chiếc xe con rao “ Phà lèng có”. Chiếc ly thủy tinh nhỏ có chân, chiếc muống xinh xinh, miếng kem chanh đưa vào miệng, mát tận cổ họng, lạnh tới chân răng. Đó là món Phà Lèng Có, có người gọi là Tây Cố, món kem chanh thơm mát của những buổi trưa hè Hà Nội.

Sang năm 1953 cha tôi được cử vào Sài Gòn học khóa hai Hành Chánh Quân Y, về được bổ nhiệm làm Quản Lý nhà thương Võ Tánh. Mẹ không nghĩ đến việc mở cửa hàng nữa nhưng là người tham công tiếc việc nên mẹ chẳng chịu ngồi không. Cả ngày mẹ tôi ngồi đan hết áo quần, mũ vớ cho cả nhà, sau đó đan, móc áo gửi lên các cửa hàng để nhờ bán. Hồi con gái mẹ tôi được một bà đầm dạy đan và móc đủ kiểu, mẹ có năng khiếu lại thêm nhiều sáng kiến nên đã pha những kiểu áo rất đẹp, đan những chiếc mũ tai mèo, tai thỏ thật xinh. Có một thời mẹ tôi được đón về một làng ở Hà Đông để dạy cho đàn bà, con gái cả làng ấy về đan và móc rồi họ nhận len, chỉ về làm gia công cho những cửa hàng đóng thùng gửi sang Pháp ...Vú Hạnh xin về quê, để tiện tận mẹ không mượn thêm người làm mới, chỉ giữ chị Dền phụ việc nhà và lo hai việc nặng nhọc là lau nhà và giặt ủi quần áo.

Khi biết tin mẹ tôi có mang, bà ủ nếp ngâm rượu để dành cho mẹ uống khi sanh. Mẹ tôi giống bà ngoại, cư xử rất đầy đơm với mẹ chồng. Khi đi chợ bao giờ cũng chọn cho bà những lá trầu thật tươi và những nhánh cau xanh mướt. Khi mẹ may cho mẹ tằm áo mới cũng mua đồng đều cho cả bà và cô Nga. Bà thích rau luộc chấm nước mắm ngon thì mẹ mua riêng cho bà chai nước mắm thượng hạng. Mặc dù bà có lương hưu của ông nhưng hàng tháng mẹ vẫn biếu bà tiền xe để bà đi lễ chùa và để thỉnh thoảng bà về quê ở Bồng Lai mua quà cho các cháu.

Cha tôi có hai người chị cùng cha khác mẹ, chúng tôi gọi bằng cô. Ngày giỗ tết gia đình các cô đều sang. Chúng tôi vui vì có các anh, các chị họ để đùa giỡn. Những lúc bắt chợt đến nhằm ngày giỗ ông bà ngoại hay khi nhìn cậu Thắng chơi đùa với chúng tôi các cô chỉ nói nhẹ đôi lời: Người ta khôn cả nhà người ta được nhờ. Cũng làm mẹ tôi chạnh lòng, buồn hiu hắt, bà phải an ủi:

- Gái có công thì chồng chẳng phụ. Các chị ấy có ở cùng nhà đâu mà mợ bận tâm!

Và bà kể chuyện ngày bà mới về với ông, làm kế mẫu của các cô cũng lắm cảnh đắng cay, cũng cười ra nước mắt. Gả chồng cho hai cô xong thì ông mất, bà tảo tần nuôi con không đi bước nữa, giữ giỗ tết chu đáo, kể cả ngày giỗ bà chánh thất nên các cô quý trọng, dần dần hết những phức tạp, hết lời hiềm khích, hết đụng chạm. Các cô rất yêu cha tôi, người hương khói cho cả dòng tộc và sau này tình thương dồn vào anh Dũng, người mà các cô cho là sẽ cúng giỗ cha mẹ, tổ tiên của các cô.

Gần cuối năm đó em Tuấn chào đời, bà vui mừng nựng nịu:

- Có quả pháo đùng cho bà này, mẹ chúng mày cho một tràng pháo lẹt đẹt lâu lâu lại điểm quả pháo đùng cho bà này.

Bà vui, cha vui, mẹ cũng hân hoan. Thằng bé thật khôi ngô, trắng trẻo, bụ bẫm, đôi mắt to đen, miệng hồng

tươi với hai mép vênh lên chỉ trực cười.

Cuối năm ấy cô Nga về nhà chồng.

Sang năm 1954 tình hình sôi động vì tin tức chiến sự từ mặt trận gửi về, Hà Nội bắt đầu mất an ninh. Hàng ngày có chú tài xế lái xe jeep đón cha tôi đi làm, mấy con bé cứ đợi bố về để đu lên cánh tay của bố. Buổi tối sau khi ăn cơm và học bài xong chúng tôi được ra vỉa hè trước cửa chạy chơi một lúc mới về rửa mặt mũi, thay quần áo ngồi tụng kinh với bà. Hôm đó chẳng hiểu sao bà gọi chúng tôi về sớm, chỉ một lúc sau có tiếng súng nổ và một cô bé ở cách có vài nhà, đang nằm chơi trên chiếc ghế vải kê trước cửa chết ngay vì bị đạn lạc. Cả nhà hết hồn. Từ hôm ấy chúng tôi không được ra ngoài nữa.

Hội nghị Genève đang họp để định đoạt số phận Việt Nam, Hà Nội bị thiết quân luật, cha tôi đi làm phải mặc quần áo tác chiến màu xanh rêu, đội mũ sắt và đeo súng. Trông cha tôi thật oai, đẹp rắn giỏi.

Một đêm tôi không lên gác, ngủ phòng khách cùng cậu Thắng và anh Dũng, khi chợt mở mắt ra, cảnh tượng thật hãi hùng, cha mẹ tôi bị trói thúc ké hai tay ra sau lưng ghế, miệng bị nhét một nắm giẻ nên ú ớ nói chẳng ra lời, đằng trước, hai người đàn ông bịt ngang mặt bằng khăn mù soa lớn chỉ hở hai con mắt, tay lăm lăm khẩu súng. Tôi sợ quá, lưng như dán xuống sập, cả người tê điếng không cảm giác, nằm yên không dám nhúc nhích. Chợt tiếng bà nội tôi gào thật to trên sân thượng:

- Bớ làng nước ơi! Cướp, cướp, làm ơn cứu chúng tôi, làng nước ơi ...

Nghe động hai người kia vội vàng bỏ chạy. Anh em tôi ra đóng chặt cửa rồi tháo giẻ và gỡ trói cho cha mẹ tôi. Bà và cậu Thắng chạy từ trên gác xuống, bà khóc nức nở, hú vía. Nghe kể lại mới biết là đang đêm có tiếng gõ cửa tường người đến đồ thùng, mẹ tôi thấy khác giờ thường lệ nên dùng dằng không muốn mở, cha tôi bảo cứ mở xem sao. May mắn là cậu Thắng cũng thức dậy, nghe lạ cậu lên ngay vào nhà trong, thấy nguy biến cậu chạy lên gác gọi bà. Thật là Trời che, Phật độ, Ông Bà, Tổ Tiên phù hộ cho tai qua nạn khỏi.

Cha mẹ tôi nhờ người môi giới bán vội căn nhà, giá không bằng một nửa khi mua mới trước đó hơn một năm trời. Cả gia đình dọn vào ở trong nhà thương Võ Tánh.

Nhà chúng tôi sát vách nhà của gia đình bác sĩ giám đốc, xinh xắn, đầy đủ tiện nghi. Con đường dẫn vào từ cổng nhà thương hai hàng cây sấu chụm đầu vào nhau che nắng. Chúng tôi cứ đợi vài ngày có nhóm người đẩy xe ba gác chất mấy cái bồ vào hái sấu là đem rổ ra xin. Lần nào cũng được một rổ đầy cả quả xanh lẫn quả chín. Bà nội lấy con dao bìa bở cau của bà gọt thật khéo những quả sấu xanh, mở ra thành một sợi còn dính cả hạt, úp lại thành quả nguyên như chưa bị cắt. Được hơn chục quả bà dầm vào bát nước mắm đặc những đường, ngon ơi là ngon! Sấu chín thì khỏi nói, chỉ rửa sạch là được ăn liền, vị ngọt ngọt, chua chua, giòn thơm đặc biệt, ngon hơn cả xoài, cả đu đủ. Sấu nấu canh thịt nạc hay giò sống, sấu đánh dấm nước rau muống luộc, sấu nấu với đường cho đá đập vào làm nước giải khát ...toàn những món chúng tôi mê nên khi đi cư tôi chất sấu đầy một âu đồng của bà để đem theo.

Ở trong nhà thương êm đềm, mỗi cuối tuần có đoàn văn nghệ đến ca hát uỷ lạo thương bệnh binh, chúng tôi được diện đẹp để cha tôi dắt đi xem. Chúng tôi được chạy nhảy trong vườn hoa cắt tỉa gọn ghẽ nhưng tôi vẫn nhớ ngôi nhà nhỏ trên con đường Mai Hắc Đế, ở đó mỗi sáng có tiếng rao quả ổi ới, “Bánh tây nóng giòn đây!”, “Bánh chưng, bánh giò nóng, ai mua ra mua” ... Buổi chiều có ông già “Lục tào xá, chí mà phù”, buổi tối tiếng thanh tre gõ “Xực tắc, xực tắc”, tiếng gậy lọc cọc và giọng khàn khàn của ông già “Tắm ... quất” ...